

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 254/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 21 tháng 11 năm 2025

V/v cung cấp báo giá "Mua khăn vật tư chèn cơ khí,
cánh bơm đập bụi P0GHD01AP001, P0EAOAP001"

Kính gửi: Các Nhà Cung Cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 có nhu cầu mua sắm hàng hóa phục vụ công tác vận hành, sửa chữa hệ thống thiết bị tại Nhà máy. Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: Trước ngày 26/11/2025.
3. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 25/11/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Bùi Thị Vân Anh, Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: hanhxx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; handh@pvpgb.vn; anhbtv@pvpgb.vn; vanthush1@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: KTATMT;
- Lưu: VT, PTM (BTVA).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1**



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục : DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số 2549/NMĐSH1-TM, ngày 21/11/2025)

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	NSX	Số lượng đề xuất	Đơn vị	Ghi chú/Giải thích
1	Bơm P0GHD01AP001	Model: 065-050-315					
1.1	Impeller	Part No.230	Nhà thầu đề xuất	KSB	1	Cái	- Hàng hoá phải chính hãng, đúng chủng loại, part no theo yêu cầu - Chi tiết như bản vẽ đính kèm.
1.2	Mechanical seal	Part No.433	Nhà thầu đề xuất	KSB	1	Cái	- Hàng hoá phải chính hãng, đúng chủng loại, part no theo yêu cầu - Chi tiết như bản vẽ đính kèm.
2	Bơm P0EAO01AP001	Model: 065-040-200					
2.1	Mechanical seal	Part No.433	Nhà thầu đề xuất	KSB	1	Cái	- Hàng hoá phải chính hãng, đúng chủng loại, part no theo yêu cầu - Chi tiết như bản vẽ đính kèm.

Yêu cầu khác:

- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

***Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.**



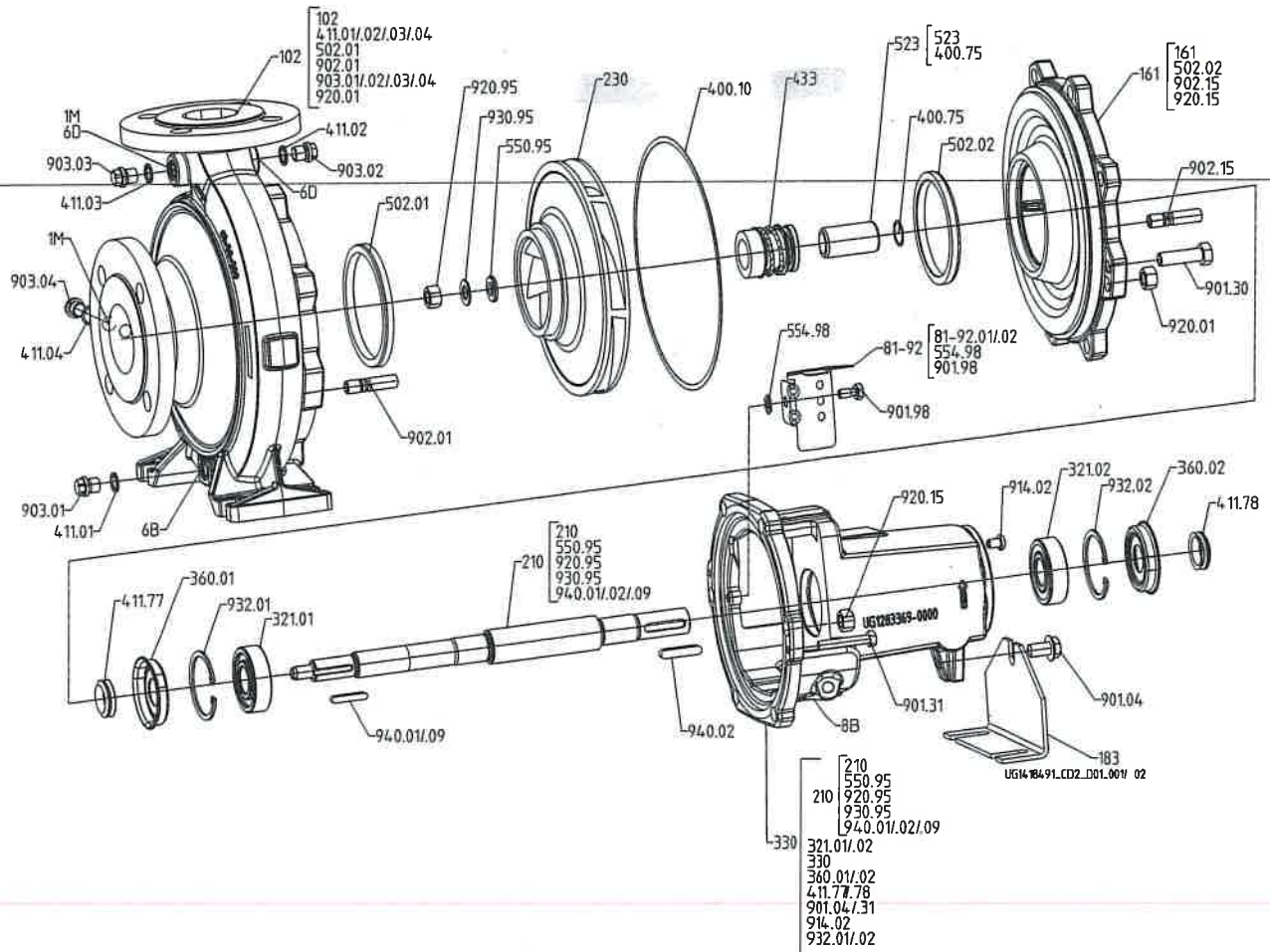
General assembly drawings

Standardised mechanical seal and bolted casing cover

This view applies to the following pump sizes:

040-025-200	050-32-200.1	065-040-200	065-050-200	080-065-200	100-080-250	125-100-250	150-125-250	200-150-250
	050-32-250.1	065-040-250	065-050-250	080-065-250	100-080-315	125-100-315	150-125-315	200-150-315
	050-32-200	065-040-315	065-050-315	080-065-315	100-080-400	125-100-400	150-125-400	200-150-400
	050-32-250							

[Supplied in packaging units only



Pump set with standardised mechanical seal and bolted casing cover

List of components

Part No.	Description	Part No.	Description
102	Volute casing	554.98	Lock washer
161	Casing cover	81-92.01/02	Cover plate
183	Support foot	901.04/30/31/98	Hexagon head bolt
210	Shaft	902.01/15	Stud
230	Impeller	903.01/02/03/04	Screw plug
321.01/02	Deep groove ball bearing	914.02	Round-head screw
330	Bearing bracket	920.01/15/95	Hexagon nut
360.01/02	Bearing cover	930.95	Spring washer
400.10/75	Gasket	932.01/02	Circlip
411.01/02/03/04	Joint ring ²⁷⁾	940.01/02/09 ²⁸⁾	Key

Part No.	Description	Part No.	Description
411.77/78	Axial seal ring	Connections:	
433	Mechanical seal	1M	Connection for pressure gauge
502.01/02	Casing wear ring ²⁹⁾	6B	Fluid drain
523	Shaft sleeve	6D	Fluid priming and venting
550.95 ³⁰⁾	Disc	8B	Leakage drain



- 27) For casing materials S and C only
 28) For shaft units 55 and 60 only
 29) Optional for casing material C
 30) For shaft unit 25 only